

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
(đã được soát xét)

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	7-33
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7-8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng, tên giao dịch quốc tế Investment & Construction Development Corporation, viết tắt là Investco. Corp được chuyển đổi từ Công ty Đầu tư và Phát triển Xây dựng - thuộc Tổng công ty Xây dựng Hà Nội theo quyết định số 2077/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103003118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 02 năm 2005, đăng ký thay đổi lần 02 ngày 23 tháng 04 năm 2007.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 201 Võ Thị Sáu, phường 7, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ trong kỳ tăng từ 150.000.000.000 đồng lên 176.997.920.000 đồng, Công ty đang làm thủ tục thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Ngành nghề kinh doanh:

- Đầu tư, xây dựng kinh doanh nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng;
- Cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì trang thiết bị các công trình cấp thoát nước, hệ thống điều hòa nhiệt độ và các loại thang máy;
- Tư vấn đầu tư, quản lý dự án, tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và các công trình kỹ thuật hạ tầng, quy hoạch xây dựng và thiết kế quy hoạch chi tiết, khảo sát đo đạc địa hình;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình thủy điện; kinh doanh nhà nghỉ, khách sạn, các công trình thể dục thể thao, khu vui chơi giải trí, môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Khai thác, chế biến khoáng sản, khoan khai thác nước ngầm, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Xí nghiệp Xây dựng số 2	84 Trần Quốc Toản, quận 3, TP HCM
2	Xí nghiệp Xây dựng số 4	155 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP HCM
3	Xí nghiệp Xây dựng số 5	75/46B Lê Văn Lương, Q.7, TP.HCM
4	Xí nghiệp Xây dựng số 6	1047 Trần Hưng Đạo, phường 5, quận 5, TP HCM
5	Xí nghiệp Xây dựng số 9	129/18 Lý Thường Kiệt, quận Tân Bình, TP HCM
6	Xí nghiệp Xây lắp Cơ điện	232/5 Cao Thắng, phường 12, quận 10, TP HCM
7	Xí nghiệp Thi công Cơ giới	89 Đào Duy Anh, quận Phú Nhuận, TP HCM

Đến thời điểm 30/06/2010 Công ty có các công ty con:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích(*)	Quyền biểu quyết (*)
1	Công ty CP Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng	201 Võ Thị Sáu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh	25%	(**)
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Xây dựng IN VE CO	12 Hồ Xuân Hương, phường 14, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	54%	54%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công nghiệp IN VE CO IN	19 Đường 783A Tạ Quang Bửu, phường 4, quận 8, TP. Hồ Chí Minh	82%	68%
4	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Hà Nội 1	P207 –B3A, Làng QT Thăng Long, Dịch Vọng, Cầu Giấy, HN	30%	(***)
5	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Địa Long	1047 Trần Hưng Đạo, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh	51%	(****)

(*) Tỷ lệ lợi ích xác định theo tỷ lệ vốn thực góp tại 30/06/2010, quyền biểu quyết xác định theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

(**) Công ty CP Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng được chuyển đổi từ Công ty TNHH 01 thành viên Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng theo Quyết định số 102/QĐ-HDQT ngày 17/04/2010, Công ty CP Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/05/2010. Theo Điều lệ Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng thì Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng là Công ty mẹ có quyền trực tiếp bổ nhiệm đa số thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty con.

(***) Theo Điều lệ sửa đổi bổ sung của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Hà Nội 1, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng được coi là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Hà Nội 1, có quyền trực tiếp bổ nhiệm đa số thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty con.

(****) Theo Điều lệ sửa đổi bổ sung của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Địa Long, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng được coi là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Địa Long, có quyền trực tiếp bổ nhiệm đa số thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty con.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi thấy không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông :	Viên Ngọc Bảo	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29/05/2010
Bà :	Quách Thị Hòa	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/05/2010
Ông :	Lê Huy Chính	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/05/2010
Ông :	Hà Minh Khôi	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/05/2010
Ông :	Nguyễn Văn Út	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/05/2010
Ông :	Trần Đại Quang	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29/05/2010
Ông :	Phạm Văn Khiêm	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29/05/2010

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông :	Viên Ngọc Bảo	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/05/2010
Ông :	Hà Minh Khôi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/05/2010
Ông :	Phạm Văn Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/05/2010
Ông :	Lê Huy Chính	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/05/2010
Bà :	Trịnh Thị Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/05/2010
Ông :	Trần Đại Quang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/05/2010
Ông :	Mai Văn Phòng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/05/2010

Các thành viên của Ban kiểm soát bao gồm:

Ông :	Vũ Văn Tiêu	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29/05/2010
Bà :	Lương Thị Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/05/2010
Ông :	Lê Tỳ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/05/2010
Ông :	Trần Quang Lược	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 29/05/2010
Bà :	Hồ Thị Kim Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/05/2010

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2010

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC

VIÊN NGỌC BẢO

Số : 886/2010/BC.TC-AASC.HCM

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng*

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng.**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng được lập ngày 05 tháng 08 năm 2010 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 được trình bày từ trang 07 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét Báo cáo tài chính. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo về nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động chuyển nhượng bất động sản được trình bày tại mục V.14 và VII.21 trên bản thuyết minh báo cáo tài chính.

TPHCM, ngày 26 tháng 08 năm 2010

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ
TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)**

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN QUỐC DŨNG
Chứng chỉ KTV số : 0285 /KTV

NGUYỄN QUANG HUY
Chứng chỉ KTV số : 1126/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
TÀI SẢN				
100	A . Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)		906,485,942,481	895,582,042,116
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	VI.1	38,169,047,841	104,702,969,861
111	1. Tiền		36,669,047,841	104,702,969,861
112	2. Các khoản tương đương tiền		1,500,000,000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	VI.2	11,200,000,000	7,800,000,000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		11,200,000,000	7,800,000,000
130	III. Các khoản phải thu		72,686,989,398	114,041,582,466
131	1. Phải thu của khách hàng		51,381,796,709	70,390,838,710
132	2. Trả trước cho người bán		7,716,253,174	26,275,710,242
135	5. Các khoản phải thu khác	VI.3	14,155,501,969	17,421,595,968
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(566,562,454)	(46,562,454)
140	IV. Hàng tồn kho	VI.4	732,722,170,009	632,475,170,070
141	1. Hàng tồn kho		732,722,170,009	632,475,170,070
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		51,707,735,233	36,562,319,719
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		982,373,273	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		385,054,727	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	VI.5	50,340,307,233	36,562,319,719
200	B . Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260+269)		168,778,973,337	175,377,222,677
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		40,668,057,884	44,634,898,167
221	1. Tài sản cố định hữu hình	VI.6	33,891,264,741	38,340,065,708
222	- Nguyên giá		58,800,334,386	60,670,318,959
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(24,909,069,645)	(22,330,253,251)
227	3. Tài sản cố định vô hình	VI.7	6,013,140,354	5,556,434,670
228	- Nguyên giá		6,240,681,932	5,695,845,288
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(227,541,578)	(139,410,618)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	VI.8	763,652,789	738,397,789
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		100,421,188,066	99,923,701,236
258	3. Đầu tư dài hạn khác	VI.9	102,352,554,866	100,423,701,236
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	VI.10	(1,931,366,800)	(500,000,000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		27,689,727,387	30,818,623,274
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	VI.11	27,689,727,387	30,818,623,274
269	VI. Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)		1,075,264,915,818	1,070,959,264,793

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
NGUỒN VỐN				
300	A . Nợ phải trả (300 =310+330)		795,698,967,676	809,494,153,265
310	I. Nợ ngắn hạn		713,282,034,003	708,284,916,284
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	VI.12	205,714,340,480	196,381,541,921
312	2. Phải trả cho người bán		78,850,062,660	119,065,780,915
313	3. Người mua trả tiền trước		227,296,000,107	285,006,799,377
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	VI.13	20,356,731,732	39,242,395,096
315	5. Phải trả người lao động		4,250,525,970	2,258,276,153
316	6. Chi phí phải trả	VI.14	88,061,081,146	17,236,776,065
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	VI.15	85,944,471,954	48,339,984,534
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		100,000,000	100,000,000
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		2,708,819,954	653,362,223
330	II. Nợ dài hạn		82,416,933,673	101,209,236,981
333	3. Phải trả dài hạn khác	VI.16	13,865,919,000	24,000,000,000
334	4. Vay và nợ dài hạn	VI.17	61,167,573,200	74,028,207,200
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		536,433,099	579,424,193
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		6,847,008,374	2,601,605,588
400	B . Nguồn vốn chủ sở hữu (400=410+430)		250,700,291,538	232,772,516,773
410	I. Nguồn vốn chủ sở hữu	VI.18	250,700,291,538	232,772,516,773
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		176,997,920,000	150,000,000,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		36,870,650,000	36,870,650,000
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(1,375,403,705)	(1,275,245,085)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		267,196	(8,714,496)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		5,202,958,309	10,522,140,305
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		4,439,340,131	2,756,322,255
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		28,564,559,607	33,907,363,794
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
439	C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	VI.19	28,865,656,604	28,692,594,755
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1,075,264,915,818	1,070,959,264,793
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT				
		Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		403,531,033	403,531,033
5.	Ngoại tệ các loại (USD)		1,291.87	36,078.27

Lập, ngày 05 tháng 08 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Văn Thanh

Nguyễn Thị Quỳnh Loan

Viên Ngọc Bảo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VII.20	460,845,926,084
02	2. Các khoản giảm trừ	VII.21	947,014,233
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VII.22	459,898,911,851
11	4. Giá vốn hàng bán	VII.23	397,157,854,469
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		62,741,057,382
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VII.24	2,419,080,517
22	7. Chi phí tài chính	VII.25	8,428,158,776
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		6,820,167,057
24	8. Chi phí bán hàng	VII.26	716,007,258
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VII.27	14,507,355,196
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		41,508,616,669
31	11. Thu nhập khác	VII.28	4,988,946,394
32	12. Chi phí khác	VII.29	3,479,024,899
40	13. Lợi nhuận khác		1,509,921,495
45	14. Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, LD		-
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		43,018,538,164
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VII.30	10,632,897,236
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		32,385,640,928
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	VII.31	917,757,254
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ (*)		31,467,883,674
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VII.32	<u>2,090</u>

Lập, ngày 05 tháng 08 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Văn Thanh

Nguyễn Thị Quỳnh Loan

Viên Ngọc Bảo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		424,658,441,454
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(414,815,090,509)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(71,771,849,394)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(6,820,167,057)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(6,458,133,147)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		39,498,374,055
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(19,227,238,207)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(54,935,662,805)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản DH khác		(2,404,674,402)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác		4,686,686,698
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(84,700,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		81,300,000,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1,881,660,000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2,630,560,147
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(369,087,557)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(100,158,620)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		204,739,686,481
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(208,267,521,922)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7,525,813,566)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(11,153,807,627)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(66,458,557,989)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		104,702,969,861
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(75,364,031)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		38,169,047,841

Lập, ngày 05 tháng 08 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Văn Thanh

Nguyễn Thị Quỳnh Loan

Viên Ngọc Bảo

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng được chuyển đổi từ Công ty Đầu tư và Phát triển Xây dựng - thuộc Tổng công ty Xây dựng Hà Nội theo quyết định số 2077/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103003118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 02 năm 2005, đăng ký thay đổi lần 02 ngày 23 tháng 04 năm 2007.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 201 Võ Thị Sáu, phường 7, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ trong kỳ tăng từ 150.000.000.000 đồng lên 176.997.920.000 đồng, Công ty đang làm thủ tục thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư, xây dựng kinh doanh nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, buro điện, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng;
- Cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì trang thiết bị các công trình cấp thoát nước, hệ thống điều hòa nhiệt độ và các loại thang máy;
- Tư vấn đầu tư, quản lý dự án, tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và các công trình kỹ thuật hạ tầng, quy hoạch xây dựng và thiết kế quy hoạch chi tiết, khảo sát đo đạc địa hình;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình thủy điện; kinh doanh nhà nghỉ, khách sạn, các công trình thể dục thể thao, khu vui chơi giải trí, môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Khai thác, chế biến khoáng sản, khoan khai thác nước ngầm, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

3. Các đơn vị trực thuộc:

<u>STT</u>	<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
1	Xí nghiệp Xây dựng số 2	84 Trần Quốc Toản, quận 3, TP HCM
2	Xí nghiệp Xây dựng số 4	155 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP HCM
3	Xí nghiệp Xây dựng số 5	75/46B Lê Văn Lương, Q.7, TP.HCM
4	Xí nghiệp Xây dựng số 6	1047 Trần Hưng Đạo, phường 5, quận 5, TP HCM
5	Xí nghiệp Xây dựng số 9	129/18 Lý Thường Kiệt, quận Tân Bình, TP HCM
6	Xí nghiệp Xây lắp Cơ điện	232/5 Cao Thắng, phường 12, quận 10, TP HCM
7	Xí nghiệp Thi công Cơ giới	89 Đào Duy Anh, quận Phú Nhuận, TP HCM

4. Thông tin về các công ty con:

Tổng số các công ty con tại thời điểm 30/06/2010: 05 công ty

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 04 công ty
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 01 công ty

Danh sách các công ty con được hợp nhất tại ngày 30/06/2010

STT	Tên công ty	Nơi thành lập	Hoạt động Kinh doanh Chính	Tỷ lệ lợi ích (*)	Quyền biểu quyết (*)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Xây dựng IN VE CO	TP Hồ Chí Minh	Xây lắp	54%	54%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công nghiệp IN VE CO IN	TP Hồ Chí Minh	Xây lắp	82%	68%
3	Công ty TNHH MTV TV Đầu tư – Thiết kế Xây dựng (**)	TP Hồ Chí Minh	Tư vấn	100%	100%
4	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Hà Nội 1	TP Hà Nội	Xây lắp	30%	(***)
5	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Địa Long	TP Hồ Chí Minh	Xây lắp	51%	(****)

(*) Tỷ lệ lợi ích xác định theo tỷ lệ vốn thực góp tại 30/06/2010, quyền biểu quyết xác định theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

(**) Kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/04/2010 là kỳ kế toán cuối cùng, sau đó chuyển đổi sang công ty CP Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng.

(***) Theo Điều lệ sửa đổi bổ sung của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Hà Nội 1, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng được coi là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Hà Nội 1, có quyền trực tiếp bổ nhiệm đa số thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty con.

(****) Theo Điều lệ sửa đổi bổ sung của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Địa Long, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng được coi là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Địa Long, có quyền trực tiếp bổ nhiệm đa số thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty con.

Danh sách các công ty con không được hợp nhất tại ngày 30/06/2010

STT	Tên công ty	Nơi thành lập	Hoạt động Kinh doanh Chính	Tỷ lệ lợi ích (*)	Quyền biểu quyết (*)
1	Công ty CP Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng	TP Hồ Chí Minh	Tư vấn	25%	(**)

(*) Tỷ lệ lợi ích xác định theo tỷ lệ vốn thực góp tại 30/06/2010, quyền biểu quyết xác định theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

(**) Công ty CP Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng được chuyển đổi từ Công ty TNHH 01 thành viên Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng theo Quyết định số 102/QĐ-HĐQT ngày 17/04/2010, Công ty CP Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/05/2010. Theo Điều lệ Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng thì Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng là Công ty mẹ có quyền trực tiếp bổ nhiệm đa số thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty con. Công ty con không lập báo cáo tài chính tại 30/06/2010.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 05 năm 2010 Hội đồng cổ đông công ty đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ công ty từ 150.000.000.000 đồng lên 222.000.000.000 đồng bằng hình thức phát hành thêm cổ phiếu năm 2010.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/2010-2015/NQ-HĐQT ngày 03 tháng 06 năm 2010, Hội đồng Quản trị công ty đã Quyết nghị thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng và chi trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu theo đó, Vốn điều lệ sau khi phát hành là 177.000.000.000 đồng tăng thêm 27.000.000.000 đồng tương ứng 2.700.000 cổ phần trong đó:

+ Phát hành cổ phiếu thưởng là 1.500.000 cổ phiếu tương ứng 15.000.000.000 đồng, lấy từ Quỹ đầu tư phát triển 7.000.000.000 đồng và lợi nhuận chưa phân phối 8.000.000.000 đồng

+ Trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu là 1.200.000 cổ phiếu tương ứng 12.000.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2009.

Theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức đợt 2 năm 2009 và cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu của công ty số 02/2010/BC-HĐQT ngày 28/06/2010 thì tổng số cổ phiếu đã phát hành là 2.699.792 cổ phiếu chiếm 99,99% tổng số cổ phiếu được phát hành trong đó:

+ Phát hành cổ phiếu bằng chi trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2009 : 1.199.890 cổ phiếu

+ Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu : 1.499.902 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành là: 17.699.792 cổ phiếu tương ứng với vốn đầu tư của chủ sở hữu tại 30/06/2010 là: 176.997.920.000 đồng.

Do thời gian thực hiện phát hành cổ phiếu từ 24/06/2010 đến 28/06/2010 do vậy, đến thời điểm 30/06/2010 công ty đang trong thời gian chờ cấp thay đổi giấy phép kinh doanh mới.

Công ty TNHH 01 thành viên Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng được chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với tên gọi Công ty CP Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng theo Quyết định số 102/QĐ-HĐQT ngày 17/04/2010 của HĐQT. Công ty CP Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/05/2010.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

IV. CƠ SỞ HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2010. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các báo cáo tài chính tham gia hợp nhất:

1. Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 của Công ty mẹ được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn bộ.

2. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/04/2010 của Công ty con Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư – Thiết kế Xây dựng chưa được soát xét.

3. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 của Công ty con Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Xây dựng IN VE CO được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn bộ.
4. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 của Công ty con Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công nghiệp IN VE CO IN được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn bộ.
5. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 của Công ty con Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng 1 Hà Nội được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán với ý kiến chấp nhận từng phần.
6. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 của Công ty con Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Địa Long được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn bộ.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Đối với giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án được xác định theo chi phí thực tế phát sinh đến thời điểm lập báo cáo tài chính sau khi trừ đi giá vốn ước tính của phần công việc đã hoàn thành và kết chuyển doanh thu đến thời điểm lập báo cáo.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, thời gian ước tính như sau:

- Nhà, vật kiến trúc	5 – 25	Năm
- Máy móc, thiết bị	5 – 20	năm
- Phương tiện vận tải	6 – 10	năm
- Thiết bị văn phòng	3 – 10	Năm
- Phần mềm kế toán	3	Năm
- Quyền sử dụng đất không thời hạn		Không trích khấu hao

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty liên kết, liên doanh được ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết trên báo cáo tài chính hợp nhất. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng phải được điều chỉnh khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi do có sự thay đổi trong vốn chủ sở hữu của công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết.

Khoản đầu tư khác được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ các khoản đầu tư này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá của ngân hàng thương mại có giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán theo hướng dẫn tại thông tư 201/2009/TT-BTC.

13. Nguyên tắc ghi nhận lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định là phần lợi ích trong kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của một công ty con tương ứng với các phần lợi ích không phải do công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

Các khoản lỗ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông thiểu số trong công ty con được hợp nhất có thể lớn hơn số vốn của họ trong công ty con. Khoản lỗ vượt trên phần vốn của các cổ đông thiểu số này được tính giảm vào phần lợi ích của công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp các khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lãi đó sẽ được phân bổ vào phần lợi ích của công ty mẹ cho tới khi phần lỗ trước đây do công ty mẹ gánh chịu được bồi hoàn đầy đủ.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Riêng đối với doanh thu chuyển nhượng một phần dự án Khu nhà ở Hưng Phú trên diện tích khu đất 92.851,6 m² tại Phường Tam Bình - Tam Phú Quận Thủ Đức được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành trong tiến độ chuyển giao dự án.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện được khách hàng xác nhận đến thời điểm cuối kỳ và được phản ánh trên hóa đơn tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Chi phí đi vay trong kỳ là giá trị thuần của các khoản chi phí đi vay phải trả sau khi giảm trừ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Ngân hàng phát triển Việt Nam.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

17. Phân phối lợi nhuận

Theo điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng, lợi nhuận sau thuế của Công ty thuộc sở hữu của cổ đông được phân phối như sau:

Trích Quỹ dự trữ 5% lợi nhuận sau thuế và được trích cho đến khi bằng 25% vốn điều lệ.

Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ đầu tư phát triển không thấp hơn 5% lợi nhuận sau thuế cho mỗi loại tùy thuộc vào kết quả kinh doanh hàng năm.

Quỹ phúc lợi được trích lập theo đề nghị của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua cho từng năm

Lợi nhuận còn lại do Hội đồng quản trị đề nghị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1 . Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	13,143,032,558	4,653,555,219
Tiền gửi ngân hàng	23,526,015,283	100,049,414,642
Các khoản tương đương tiền	1,500,000,000	-
Cộng	38,169,047,841	104,702,969,861
2 . Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	6,200,000,000	7,000,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	800,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Công ty con Investco 1 Hà Nội	5,000,000,000	-
Cộng	11,200,000,000	7,800,000,000
3 . Các khoản phải thu khác	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu xí nghiệp, đội xây dựng và cá nhân về tiền ứng thi công công trình	2,744,961,232	4,954,816,906
Phải thu Viên Ngọc Ban - Công trình nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ	5,630,896,752	6,130,896,752
Phải thu Nguyễn Trọng Phúc - Công trình nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ	4,261,588,870	5,261,588,870
Phải thu lãi vay trả hộ người lao động (Ngân hàng NN & PTNT CN3)	268,648,453	-
Phải thu các cổ đông về ứng trước cổ tức	206,700,000	-
Phải thu cơ quan Bảo hiểm xã hội	6,168,316	-
Phải thu thuế TNCN, BHXH	223,630,618	176,409,232
Phải thu về nợ phải thu khó đòi	520,000,000	-
Phải trả CNV (dư Nợ)	66,155,538	-
Phải thu về lãi dự thu	73,075,000	-
Phải thu khác	153,677,190	897,884,208
Cộng	14,155,501,969	17,421,595,968
4 . Hàng tồn kho	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2,335,162,523	6,810,046
Công cụ, dụng cụ	1,331,731,838	-
Chi phí SXKD dở dang	728,247,498,048	631,660,582,424
<i>Các dự án</i>	<i>396,756,756,551</i>	<i>371,580,570,882</i>
<i>Các công trình xây lắp</i>	<i>331,490,741,497</i>	<i>260,080,011,542</i>
Thành phẩm	807,777,600	807,777,600
<i>Nhà 590 Nguyễn Kiệm</i>	<i>807,777,600</i>	<i>807,777,600</i>
Cộng giá gốc hàng tồn kho	732,722,170,009	632,475,170,070
5 . Tài sản ngắn hạn khác	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	36,134,765,112	31,047,604,995
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	14,205,542,121	5,514,714,724
Cộng	50,340,307,233	36,562,319,719

6. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng TSCĐ hữu hình
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu kỳ	7,299,366,309	36,860,830,202	12,429,372,237	4,080,750,211	60,670,318,959
Tăng trong kỳ	-	2,197,422,727	6,064,604,268	281,953,219	8,543,980,214
- Mua sắm	-	2,197,422,727	638,451,818	239,683,706	3,075,558,251
- Tăng khác	-	-	5,426,152,450	42,269,513	5,468,421,963
Giảm trong kỳ	-	9,256,085,234	134,778,824	1,023,100,729	10,413,964,787
- Thanh lý, nhượng bán	-	4,023,740,365	-	282,084,886	4,305,825,251
- Giảm khác	-	5,232,344,869	134,778,824	741,015,843	6,108,139,536
Số cuối kỳ	7,299,366,309	29,802,167,695	18,359,197,681	3,339,602,701	58,800,334,386
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu kỳ	1,198,159,279	10,924,749,331	6,814,186,129	3,393,158,512	22,330,253,251
Tăng trong kỳ	166,199,784	2,389,914,523	2,387,285,656	223,583,449	5,166,983,412
- Trích khấu hao TSCĐ	166,199,784	2,389,914,523	1,615,940,227	223,583,449	4,395,637,983
- Tăng khác	-	-	771,345,429	-	771,345,429
Giảm trong kỳ	-	1,544,734,545	334,299,439	709,133,034	2,588,167,018
- Thanh lý, nhượng bán	-	1,193,232,552	-	-	1,193,232,552
- Giảm khác	-	351,501,993	334,299,439	709,133,034	1,394,934,466
Số cuối kỳ	1,364,359,063	11,769,929,309	8,867,172,346	2,907,608,927	24,909,069,645
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	6,101,207,030	25,936,080,871	5,615,186,108	687,591,699	38,340,065,708
Số cuối kỳ	5,935,007,246	18,032,238,386	9,492,025,335	431,993,774	33,891,264,741

7. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng TSCĐ vô hình
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu kỳ	5,473,922,100	-	-	221,923,188	5,695,845,288
Tăng trong kỳ	-	-	-	617,200,100	617,200,100
- Mua sắm	-	-	-	617,200,100	617,200,100
Giảm trong kỳ	-	-	-	72,363,456	72,363,456
- Giảm khác	-	-	-	72,363,456	72,363,456
Số cuối kỳ	5,473,922,100	-	-	766,759,832	6,240,681,932
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu kỳ	-	-	-	139,410,618	139,410,618
Tăng trong kỳ	-	-	-	88,130,960	88,130,960
- Trích khấu hao TSCĐ	-	-	-	88,130,960	88,130,960
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	-	227,541,578	227,541,578
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	5,473,922,100	-	-	82,512,570	5,556,434,670
Số cuối kỳ	5,473,922,100	-	-	539,218,254	6,013,140,354

8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí xây dựng nhà kho tại Củ Chi	763,652,789	738,397,789
Cộng	763,652,789	738,397,789

9 . Đầu tư dài hạn khác	30/06/2010	01/01/2010	30/06/2010	01/01/2010
	Số lượng CP	Số lượng CP	VND	VND
Cổ phiếu			63,327,567,225	62,851,713,595
Cổ phiếu CTCP ĐTHT Kỹ thuật TPHCM (1)	32,598	21,732	944,414,000	944,414,000
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP An Bình	2,406,908	2,406,908	25,094,221,000	25,094,221,000
Cổ phiếu Công ty CP Bê tông Hải Âu	100,000	100,000	1,000,000,000	1,000,000,000
Cổ phiếu CTCP Tư vấn Xây dựng Tổng hợp	47,900	47,900	957,003,680	957,003,680
Cổ phiếu Công ty CP Tập đoàn Mai Linh	750,000	750,000	8,250,000,000	8,250,000,000
Cổ phiếu Cty CP Cơ khí CT Cấp nước (1)	32,066	25,200	345,860,000	277,200,000
Cổ phiếu CTCP ĐT Hạ tầng Đô thị Dầu khí	1,453,000	1,453,000	19,030,000,000	19,030,000,000
Cổ phiếu Công ty CP Thủy Thiên	200,000	200,000	2,400,000,000	2,400,000,000
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội (1)	105,000	100,000	3,000,000,000	3,000,000,000
Cổ phiếu Công ty CP VL Xây dựng Investco	36,000		360,000,000	-
Cổ phiếu CTCP Đầu tư và Phát triển XD (phần lợi ích của cổ đông thiểu số đầu tư)			1,946,068,545	1,898,874,915
Trái phiếu			40,000,000	40,000,000
Trái phiếu Chính phủ (Mệnh giá 40.000.000 đồng)			40,000,000	40,000,000
Góp vốn hợp tác kinh doanh		Tỷ lệ	38,984,987,641	37,531,987,641
Công ty CP BOT Cầu Phú Mỹ (góp vốn theo tiến độ)			23,410,736,641	23,410,736,641
Công ty CP Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam		0,4%	140,000,000	140,000,000
Công ty CP Du lịch Mê Kông Mỹ Tho		5%	2,500,000,000	2,500,000,000
Công ty CP BOO Đồng Tâm		1,2%	3,808,000,000	3,615,000,000
Dự án 360 Giải Phóng, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội		55%	9,096,251,000	7,836,251,000
Công ty CP Doanh nhân trẻ		0.77%	30,000,000	30,000,000
Cộng			102,352,554,866	100,423,701,236

(1) Số lượng cổ phần tăng do được chia cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu.

10 . Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tên chứng khoán	Số lượng CP, CC	Giá trị theo giá thị trường	Giá trị theo sổ kế toán	Dự phòng giảm giá
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội (mã MI)	105,000	2,334,465,000	3,000,000,000	(665,535,000)
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP An Bình (mã AB)	2,406,908	23,828,389,200	25,094,221,000	(1,265,831,800)
Cộng				(1,931,366,800)

Công ty xác định giá trị thị trường để trích lập dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu MB là 22.233 đồng/cổ phần, cổ phiếu ABB là 9.900 đồng/cổ phần theo giá trung bình ngày 30/06/2010 được cung cấp trên trang web của 3 công ty chứng khoán là: Công ty cổ phần chứng khoán FPT, Công ty cổ phần chứng khoán BETA và Công ty cổ phần chứng khoán Âu Việt.

11 . Chi phí trả trước dài hạn	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	27,689,727,387	30,617,359,909
Tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	14,924,431,730	17,998,184,454
Tại Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư - Thiết kế Xây dựng	37,130,903	55,696,355
Tại Công ty CP Đầu tư & Công nghệ Xây dựng IN VE CO	200,769,930	564,495,897
Tại Công ty CP Đầu tư Xây dựng Công nghiệp IN VE CO IN	3,924,301,080	3,145,168,911
Tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng 1 Hà Nội	3,987,745,016	3,670,999,019
Tại Công ty CP Đầu tư Xây dựng Địa Long	4,615,348,728	5,182,815,273
Chi phí sửa chữa và chi phí trả trước dài hạn khác	-	201,263,365
Tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	-	119,681,619
Tại Công ty CP Đầu tư & Công nghệ Xây dựng IN VE CO	-	81,581,746
Cộng	27,689,727,387	30,818,623,274

12 . Vay và nợ ngắn hạn	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)	204,390,397,230	179,064,245,281
<i>Vay ngân hàng</i>	<i>147,417,443,483</i>	<i>132,864,610,513</i>
<i>Vay Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thanh Danh</i>	<i>23,012,000,000</i>	<i>23,012,000,000</i>
<i>Vay Tổng công ty Xây dựng Hà Nội</i>	<i>16,000,000,000</i>	-
<i>Vay cá nhân</i>	<i>17,960,953,747</i>	<i>23,187,634,768</i>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem chi tiết vay dài hạn)	1,323,943,250	17,317,296,640
Cộng	205,714,340,480	196,381,541,921

(*) Thông tin bổ sung

Số hợp đồng	Bên cho vay	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Phương thức đảm bảo
Tại công ty mẹ				195,824,633,088	
1600-LDS-200900656	NH NN&PTNT CN Sài Gòn	Theo từng khế ước nhận nợ	Theo từng khế ước nhận nợ	27,156,974,123	Tài sản
1600-LAV-200800454	NH NN&PTNT Chi nhánh 3	Theo từng khế ước nhận nợ	Theo từng khế ước nhận nợ	19,806,909,731	Tài sản
0583/09/TD	NH TMCP An Bình	Theo từng khế ước nhận nợ	Theo từng khế ước nhận nợ	49,164,932,233	Tài sản
236/2007/TD-NHQĐ-HCM	NH TMCP Quân đội	Theo từng khế ước nhận nợ	Theo từng khế ước nhận nợ	26,473,495,510	Tài sản
020-0001661/HDHM/SHB	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Theo từng khế ước nhận nợ	Theo từng khế ước nhận nợ	17,149,367,744	Tín chấp
08/HĐVV	Cty TNHH XD&TM Thanh Danh	12.6%	12 tháng	23,012,000,000	Cổ phiếu PMC
01.2010/Hancorp-investco	Tổng Công ty XD Hà Nội	13.5%	3 tháng	16,000,000,000	Tín chấp
Vay cá nhân				17,060,953,747	Tín chấp

Số hợp đồng	Bên cho vay	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Phương thức đảm bảo
Tại Công ty CPĐT&PTXD Hà Nội I				5,750,888,837	
40588	NH Lào Việt	12%	6 tháng	563,895,450	Tín chấp
40568	NH Lào Việt	12%	6 tháng	740,620,003	Tín chấp
40849	NH Lào Việt	12%	9 tháng	568,563,996	Tín chấp
41820	NH Lào Việt	15%	9 tháng	744,936,820	Tín chấp
31378	BIDV - Hà Nội	12%	9 tháng	1,285,057,302	Tài sản
33365	BIDV - Hà Nội	12%	9 tháng	636,541,366	Tài sản
03578	NH Lào Việt	16%		611,273,900	Tín chấp
Vay cá nhân		12%	6 tháng	600,000,000	
Tại Công ty CPĐT&CN Xây dựng IN VE CO				2,514,875,305	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn CN Đông Sài Gòn	6280LAV 200900580	Theo từng lần nhận nợ	Theo từng lần nhận nợ	2,514,875,305	Tài sản
Tại Công ty CPĐTXD Công nghiệp IN VE CO IN				300,000,000	
Vay cá nhân				300,000,000	
Cộng				204,390,397,230	

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	6,748,193,233	29,832,930,528
Thuế TNDN	13,260,559,482	9,084,695,393
Thuế thu nhập cá nhân	321,367,467	324,769,175
Các loại thuế khác	26,611,550	-
Cộng	20,356,731,732	39,242,395,096

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. Chi phí phải trả

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Trích trước chi phí thuộc Dự án Đồng Điều F4Q8	12,860,536,412	15,664,441,737
Trích trước chi phí khoan lõi cọc nhồi 25Bis NTMK	-	68,640,396
Trích trước chi phí khoan cọc nhồi rạch cầu sông Xáng	-	65,648,469
Trích trước chi phí thi công sửa chữa tòa nhà công ty IPD	-	18,549,500
Trích trước chi phí thuộc Công trình Nhà thi đấu TDTT Phú Thọ	766,960,163	766,960,163
Trích trước chi phí dự án Tam Bình Thủ Đức	65,806,064,013	-
Trích trước lãi trái phiếu phải trả	3,000,000,000	-
Trích trước chi phí trạm khách T67	607,500,000	-
Trích trước lãi vay phải trả	404,543,800	595,035,800
Trích trước chi phí các công trình của Công ty Investco 1 Hà Nội	4,546,626,758	-
Khác	68,850,000	57,500,000
Cộng	88,061,081,146	17,236,776,065

15 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	1,360,740,702	1,303,338,346
Bảo hiểm xã hội	130,786,499	331,106,898
Bảo hiểm y tế	8,234,380	6,254,602
Bảo hiểm thất nghiệp	3,832,608	-
Phải trả Tổng công ty Xây dựng Hà Nội (*)	18,956,491,737	21,166,882,252
Tiền thi công đội xây dựng các công trình	22,618,161,606	9,311,688,673
Mượn tiền của Đại học Y Dược	33,000,000,000	8,000,000,000
Phải trả tiền đền bù, giải toả mặt bằng	1,558,500,000	1,558,500,000
Phải trả cổ đông tiền cổ tức	118,116,259	1,072,329,303
Vay không tính lãi của các cá nhân	2,529,477,145	2,809,477,145
Phải trả tiền đặt cọc thuê thiết bị	72,716,066	-
Phải trả Phan Thanh Tùng tiền thi công công trình Cầu Thủ Thiêm	86,995,325	-
Các khoản cá nhân góp vốn vào nhà máy gạch không nung	85,000,000	-
Các cá nhân góp vốn xây căn hộ tại Khu Ngoại giao đoàn	3,100,000,000	-
Phải trả Công ty CP Tư vấn Thiết kế Xây dựng về vốn góp	-	-
Phải trả khác	2,315,419,627	2,780,407,315
Cộng	85,944,471,954	48,339,984,534

(*) Chi tiết phải trả Tổng công ty Xây dựng Hà Nội	18,956,491,737	21,166,882,252
Lãi vay các khế ước	11,031,958,499	11,031,958,499
Hỗ trợ vốn làm trạm trộn bê tông	-	1,830,260,394
Tạm ứng công trình An Phú An Khánh	3,364,805,000	4,500,000,000
Hỗ trợ vốn mua xe bơm bê tông	1,275,994,089	1,275,994,089
Hỗ trợ vốn mua xe chuyển trộn	1,483,311,206	1,483,311,206
Khấu hao tài sản cố định	90,703,743	1,045,358,064
Cổ tức phải trả	1,709,719,200	-

16 . Phải trả dài hạn khác	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM (CII) (*)	12,000,000,000	24,000,000,000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	1,865,919,000	-
Cộng	13,865,919,000	24,000,000,000

(*) Tiền nhận góp vốn hợp tác kinh doanh đầu tư Dự án Khu cao ốc thương mại và chung cư cao cấp Âu Cơ Plaza theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/2007/HĐHTĐT-CII ngày 22/01/2007, Phụ lục hợp đồng ngày 16/02/2007 và Phụ lục hợp đồng số 68/2009/PLHĐKT-CII ngày 30/06/2009.

17. Vay và nợ dài hạn	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn (*)	11,167,573,200	24,028,207,200
Trái phiếu phát hành	50,000,000,000	50,000,000,000
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	61,167,573,200	74,028,207,200

(*) Chi tiết vay dài hạn cuối kỳ

Bên cho vay Số hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Đến hạn trả trong kỳ tới	Phương thức đảm bảo
055/2008/NHQĐ- HCM/HĐTDDH NH TMCP Quân đội	17,4%/năm	36 tháng	96,100,000	74,900,000	Đảm bảo bằng tài sản
006/TD.TH-NHQĐ-HCM NH TMCP Quân đội	13,2%/năm	36 tháng	48,889,860	48,889,860	Đảm bảo bằng tài sản
019/2007/NHQĐ- HCM/HĐTDDH NH TMCP Quân đội	7,2%/năm	36 tháng	628,953,390	628,953,390	Đảm bảo bằng tài sản
70201018/HĐTD NH NN & Phát triển Nông thôn CN Nam Sài Gòn	13,2%/năm	60 tháng	9,023,973,200	-	Đảm bảo bằng tài sản
NH Liên Việt CN Tân Bình 1709/TR-HĐTD	Theo từng khế ước	40 tháng	1,303,600,000	313,200,000	Tài sản hình thành vốn vay
NH Liên Việt CN Tân Bình 13909/TB-HĐTD	Theo từng khế ước	36 tháng	395,000,000	90,000,000	Tài sản hình thành vốn vay
NH Liên Việt CN Tân Bình 04310/TB-HĐTD	Theo từng khế ước	36 tháng	995,000,000	168,000,000	Tài sản hình thành vốn vay
Cộng			12,491,516,450	1,323,943,250	

18 . Nguồn vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (in trang ngang)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vốn góp của Tổng công ty Xây dựng Hà Nội	33,624,470,000	28,495,320,000
Vốn góp của cổ đông khác	143,373,450,000	121,504,680,000
Thặng dư vốn cổ phần	36,870,650,000	36,870,650,000
Cổ phiếu quỹ (lợi ích của Công ty mẹ trong công ty con)	(1,375,403,705)	(1,275,245,085)
Cộng	212,493,166,295	185,595,404,915

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức	Kỳ này
	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu năm	150,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong năm	26,997,920,000
+ Vốn góp giảm trong năm	-
+ Vốn góp cuối kỳ	176,997,920,000
- Cổ tức năm 2009 đã chia bằng tiền	9,000,000,000
- Cổ tức đợt 2 năm 2009 đã chia bằng cổ phiếu	11,997,920,000
- Cổ phiếu thưởng đã chia từ cổ tức năm 2009	8,000,000,000

d. Cổ phiếu	30/06/2010	01/01/2010
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15,000,000	15,000,000
- Số lượng Cổ phiếu đã phát hành	17,699,792	15,000,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17,699,792	15,000,000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17,794,824	15,085,016
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17,794,824	15,085,016
- Số lượng cổ phiếu quỹ	(95,032)	(85,016)
+ <i>Cổ phiếu phổ thông (xác định tương ứng với tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ)</i>	(95,032)	(85,016)
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần):	10,000	10,000

19. Lợi ích của cổ đông thiểu số	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tại Công ty CP ĐT XD Công nghiệp IN VE CO IN	2,933,144,945	2,765,905,962
Tại Cty CP Đầu tư & CN Xây dựng IN VE CO	4,445,735,168	4,676,427,563
Tại Công ty CP ĐT XD Địa Long	3,535,453,072	3,770,821,036
Tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển XD I Hà Nội	17,951,323,419	17,479,440,194
Cộng	28,865,656,604	28,692,594,755

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BC KẾT QUẢ KD HỢP NHẤT

20 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND
Doanh thu bán hàng hóa	1,186,203,122
Doanh thu cung cấp dịch vụ	525,935,028
Doanh thu gia công	102,000,000
Doanh thu xây lắp	357,795,501,163
Doanh thu kinh doanh bất động sản (*)	95,400,000,000
Doanh thu môi giới bất động sản	304,545,453
Doanh thu khoan khảo sát địa chất, thí nghiệm	840,686,365
Doanh thu thi công khoan cọc nhồi	353,327,203
Doanh thu dịch vụ tư vấn thiết kế	4,285,756,159
Doanh thu khác	51,971,591
Cộng	<u><u>460,845,926,084</u></u>

(*) Thông tin bổ sung:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng cùng các bên gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương và Công ty Cổ phần BSC Việt Nam đã tiến hành định giá dự án khu nhà ở Hưng Phú trên diện tích khu đất 92.851,6 m² tại Phường Tam Bình - Tam Phú Quận Thủ Đức, TP.HCM với giá trị là 212.000.000.000 đồng hiện do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng làm chủ đầu tư để chuyển nhượng lại một phần dự án cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương và công ty cổ phần BSC Việt Nam dưới hình thức góp vốn thành lập công ty cổ phần để đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh Khu nhà ở Investco Residence - Hưng Phú, theo đó Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng chuyển nhượng lại 79% giá trị dự án tương ứng 167.480.000.000 đồng cho Ngân hàng TM CP Đại Dương và 11% giá trị dự án tương ứng 23.320.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần BSC Việt Nam, Công ty giữ lại 10% tương ứng 21.200.000.000 đồng làm phần vốn góp. Doanh thu kinh doanh bất động sản ghi nhận theo tiến độ thực hiện chuyển giao dự án đến thời điểm 30/06/2010.

21 . Các khoản giảm trừ

	Kỳ này VND
Giảm giá hàng bán	947,014,233
Cộng	<u><u>947,014,233</u></u>

22 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa	1,186,203,122
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	525,935,028
Doanh thu thuần gia công	102,000,000
Doanh thu thuần xây lắp	356,848,486,930
Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	95,400,000,000
Doanh thu thuần môi giới bất động sản	304,545,453
Doanh thu thuần khoan khảo sát địa chất, thí nghiệm	840,686,365
Doanh thu thuần thi công khoan cọc nhồi	353,327,203
Doanh thu thuần dịch vụ tư vấn thiết kế	4,285,756,159
Doanh thu thuần khác	51,971,591
Cộng	<u><u>459,898,911,851</u></u>

23 . Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND
Giá vốn bán hàng hóa	1,083,798,800
Giá vốn cung cấp dịch vụ	631,122,034
Giá vốn gia công	70,328,828
Giá vốn của sản phẩm xây lắp	317,129,560,678
Giá vốn kinh doanh bất động sản	73,350,932,074
Giá vốn môi giới bất động sản	274,090,908
Giá vốn khoan khảo sát địa chất, thí nghiệm	691,889,554
Giá vốn thi công khoan cọc nhồi	1,054,596,330
Giá vốn dịch vụ tư vấn thiết kế	2,818,021,263
Giá vốn khác	53,514,000
Cộng	<u><u>397,157,854,469</u></u>

24 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,360,797,191
Cổ tức, lợi nhuận sau thuế được chia	1,058,283,326
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-
Cộng	<u><u>2,419,080,517</u></u>

25 . Chi phí tài chính

	Kỳ này VND
Chi phí lãi vay	6,820,167,057
Chênh lệch tỷ giá	75,597,180
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	1,431,366,800
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	100,290,678
Chi phí tài chính khác	737,061
Cộng	<u><u>8,428,158,776</u></u>

26 . Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND
Chi phí bảo hành công trình	358,879,818
Chi phí khác bằng tiền	357,127,440
Cộng	<u><u>716,007,258</u></u>

27 . Chi phí quản lý doanh nghiệp

**Kỳ này
VND**

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	518,133,248
Chi phí nhân công	8,188,672,011
Chi phí khấu hao tài sản cố định	712,410,782
Thuế, phí, lệ phí	18,083,182
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,434,411,635
Chi phí khác bằng tiền	2,635,644,338

Cộng

14,507,355,196

28 . Thu nhập khác

**Kỳ này
VND**

Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	4,021,787,252
Thu nhập từ bán phế liệu	281,162,421
Thu nhập từ thanh lý CCDC	63,820,000
Thu nhập từ cho thuê văn phòng, sử dụng điện nước	-
Thu nhập khác	622,176,721

Cộng

4,988,946,394

29 . Chi phí khác

**Kỳ này
VND**

Chi phí từ thanh lý tài sản cố định	2,830,507,813
Chi phí từ thanh lý CCDC	145,911,641
Thù lao HĐQT	19,700,000
Chi phí khác	482,905,445

Cộng

3,479,024,899

30 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

**Kỳ này
VND**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty mẹ	9,771,435,650
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại các Công ty con	861,461,586

Chi phí thuế thu nhập hiện hành

10,632,897,236

31 . Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số

**Kỳ này
VND**

Tại Công ty CP ĐT XD Công nghiệp IN VE CO IN	167,238,983
Tại Công ty CP Đầu tư & CN Xây dựng IN VE CO	(230,692,394)
Tại Công ty CP ĐT XD Địa Long	197,712,896
Tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển XD 1 Hà Nội	783,497,769
Cộng	917,757,254

32 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

**Kỳ này
VND**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	31,467,883,674
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	31,467,883,674
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	15,000,000
Cổ phiếu phổ thông tăng bình quân trong kỳ	149,160
Cổ phiếu phổ thông giảm bình quân trong kỳ	95,032
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15,054,128
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,090

VIII. THÔNG TIN KHÁC

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty

3 . Thông tin hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình

IX. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty lập theo lĩnh vực kinh doanh.

1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (báo cáo chính yếu)

Chỉ tiêu	Xây lắp	Bất động sản	Tư vấn	Khác	Cộng
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	356,848,486,930	95,674,090,908	4,285,756,159	3,090,577,854	459,898,911,851
3. Khấu hao và chi phí phân bổ	10,364,664,714	2,778,854,081	124,479,793	89,765,837	13,357,764,424
4. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	38,959,726,422	22,079,522,471	1,195,007,623	(775,126,237)	61,459,130,280
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	763,652,789	-	-	-	763,652,789
6 Tài sản bộ phận	772,233,312,612	224,404,474,097	6,402,094,418	22,855,986,850	1,025,895,867,977
7. Tài sản không phân bổ	39,379,130,254	8,287,991,439	1,630,694,690	71,231,458	49,369,047,841
Tổng Tài sản	811,612,442,866	232,692,465,536	8,032,789,108	22,927,218,308	1,075,264,915,818
Tổng Nợ phải trả	615,268,666,601	170,887,312,008	3,032,789,108	6,510,199,959	795,698,967,676

2. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu)

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận

Chỉ tiêu	Hà Nội	TP HCM	Đà Nẵng	Khác	Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	85,880,676,471	#####	-	-	459,898,911,851
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	763,652,789	-	-	763,652,789

X. SỐ DƯ ĐẦU KỶ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) và đã được trình bày lại theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 05 tháng 08 năm 2010
Tổng Giám đốc

Lê Văn Thanh

Nguyễn Thị Quỳnh Loan

Viên Ngọc Bảo

18. Nguồn vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	<i>Đơn vị tính: VND</i>
								Cộng vốn chủ sở hữu
1. Số dư đầu kỳ này	150,000,000,000	36,870,650,000	(1,275,245,085)	(8,714,496)	10,522,140,305	2,756,322,255	33,907,363,794	232,772,516,773
2. Tăng trong kỳ này	26,997,920,000	-	(147,352,250)	267,196	1,686,713,119	1,686,713,119	34,340,012,785	64,564,273,969
Tăng vốn trong kỳ	26,997,920,000	-	-	-	-	-	-	26,997,920,000
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	31,467,883,674	31,467,883,674
Tăng do phân phối LN	-	-	-	-	1,686,713,119	1,686,713,119	-	3,373,426,238
Tăng khác trong kỳ	-	-	(147,352,250)	267,196	-	-	2,872,129,111	2,725,044,057
3. Giảm trong kỳ này	-	-	(47,193,630)	(8,714,496)	7,005,895,115	3,695,243	39,682,816,972	46,636,499,204
Phân phối các Quỹ	-	-	-	-	-	-	6,982,721,998	6,982,721,998
Trả cổ tức 2009 bằng tiền	-	-	-	-	-	-	9,345,256,423	9,345,256,423
PP LN cho bên LD (**)	-	-	-	-	-	-	2,432,962,088	2,432,962,088
Chia cổ tức bằng CP và chia CP thưởng	-	-	-	-	7,000,000,000	-	19,850,567,750	26,850,567,750
Điều chỉnh theo QT thuế (*)	-	-	-	-	-	-	1,071,308,713	1,071,308,713
Giảm khác trong kỳ	-	-	(47,193,630)	(8,714,496)	5,895,115	3,695,243	-	(46,317,768)
4. Số dư cuối kỳ này	176,997,920,000	36,870,650,000	(1,375,403,705)	267,196	5,202,958,309	4,439,340,131	28,564,559,607	250,700,291,538

(*) Công ty trích nộp khoản tiền phạt chậm nộp các khoản thuế theo thông báo nợ thuế số 7159/CT-QLN-TB ngày 24 tháng 7 năm 2008.

(**) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả Công ty TNHH Acset Indonusa (Việt Nam) theo Hợp đồng chi tiết phân chia trách nhiệm và lợi nhuận trong liên doanh ký kết ngày 02 tháng 01 năm 2009 của Dự án phát triển nhà ở Estella - Giai đoạn 1.